

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24 /2025/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 3 năm 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Diệp

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Quàng Văn Tiệp;
2. Ông Trần Thành Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, Sơn La.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa:
Bà Lò Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 03/2024/TLST – HNGĐ, ngày 02/10/2024 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXX - HNGĐ ngày 03/02/2025 và theo Quyết định tạm ngừng phiên toà số 18a/QĐ-HNGĐ ngày 25/02/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lường H, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Bản N, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lù N, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Bản N, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Sơn La, phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện S. Đại diện theo uỷ quyền là ông Nguyễn Văn L – Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội S. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Chị H và anh N tìm hiểu yêu đương từ năm 2008, cho đến năm 2013 thì kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc

tại Bản N, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách hai vợ chồng khác nhau thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không cùng chí hướng. Chị và anh N đã ly thân được 3 năm nay không còn quan tâm đến nhau, nay chị làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lù N. Quá trình chung sống chị và anh H có hai con chung là Lù Thị M, sinh ngày 05/8/2009 và Lù Văn H, sinh ngày 05/6/2011. Chị H nhất trí để anh Lù N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con Lù Văn H mỗi tháng 1.000.000đ hình thức cấp dưỡng hàng tháng kể từ ngày tuyên án cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, chị và anh N có một số tài sản chung nhưng không kê khai không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung, trong quá trình giải quyết vụ án chị H thừa nhận chị và anh N có một khoản nợ tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện S số tiền vay Hộ nghèo là 45.000.000đ từ năm 2021, đối với khoản nợ này chị sẽ có trách nhiệm cùng thanh toán với anh N cho đến khi hết nợ.

Bị đơn anh Lù N trình bày: Anh nhất trí về quan hệ hôn nhân giữa anh và chị H như chị H đã trình bày, nhưng về nguyên nhân mâu thuẫn anh cho rằng vì hoàn cảnh khó khăn nên ngày 22/02/2017 vợ chồng đã cùng nhau đi làm thuê ở tỉnh Quảng Ninh, đến năm 2021 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị Hôn ngoại tình, anh đã khuyên bảo chị H nhiều lần nhưng chị H không nghe, vợ chồng tiếp tục cãi vã, sau đó chị H đã bỏ đi từ ngày 14/4/2021 cho đến nay. Chị H có đơn yêu cầu ly hôn anh thì anh yêu cầu phải có mặt chị Hôn tại Toà án, nếu vắng mặt thì anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị H có hai con chung như chị H đã trình bày, kể từ khi chị H bỏ đi hai con đều do một mình anh chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến nay. Khi chị H bỏ đi có yêu cầu ly hôn hai bên đã thống nhất giao cả hai con chung cho anh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con Lù Văn H cùng anh mỗi tháng 1.000.000đ hình thức cấp dưỡng hàng tháng kể từ tháng 5/2021 cho đến khi con Lù Văn H đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống anh và chị H có một số tài sản chung nhưng anh không kê khai, không yêu cầu giải quyết. Hai vợ chồng có một khoản nợ chung tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Sông Mã tiền nợ gốc là 45.000.000đ anh yêu cầu chị H phải có trách nhiệm cùng anh thanh toán khoản nợ này, ngoài ra còn một số khoản nợ các cá nhân khác tuy nhiên do hiện tại anh chưa thể nộp tài liệu chứng cứ chứng minh nên anh sẽ yêu cầu giải quyết các khoản nợ cá nhân ở một vụ án khác.

Ý kiến trình bày của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện S:

Anh Lù N và chị Lường H nợ Ngân hàng số tiền vay cả hai hợp đồng là 65.000.000đ theo Sổ vay có mã khách hàng 1600055846, cụ thể như sau:

+ Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay đề ngày 25/10/2021 được Ngân hàng phê duyệt ngày 27/10/2021 số tiền vay 45.000.000đ thời hạn cho vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng 01 lần, hạn trả nợ cuối cùng ngày 09/11/2026, lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 09.

+ Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay theo chương trình “Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn” đề nghị 19/01/2024 được Ngân hàng phê duyệt ngày 29/01/2024 với số hạn trả nợ cuối cùng ngày 02/02/2029, lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 09.

Tổng số tiền anh Nhật và chị Hôn còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 03/3/2025 là 65.287.507đ (sáu mươi ba triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm linh bảy đồng) bao gồm tiền gốc 65.000.000đ, tiền lãi 287.507đ.

Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ người vay luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ. Nay để giải quyết việc ly hôn của chị Lường H với anh Nhật, Ngân hàng đề nghị, anh Lù N và chị Lường H hoàn trả toàn bộ số tiền vay của Ngân hàng mới giải quyết vụ án ly hôn. Hiện nay chị Lường H không có mặt tại địa phương khi giải quyết vụ án ly hôn thì nêu rõ trách nhiệm trả nợ các món vay thuộc về ông Lù N là người đứng tên vay vốn hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các món vay.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của chị Hôn và anh Nhật tại địa phương, thể hiện: Vợ chồng chị Lường H và anh Lù N là công dân sống tại Bản N, xã M, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, trong quá trình sống chung vợ chồng chị Hôn và anh Nhật phát sinh mâu thuẫn và hai bên đã ly thân với nhau từ đầu năm 2021 cho đến nay. Chị H và anh N có với nhau hai người con chung là Lù Thị M, sinh năm 2009 và Lù Văn H, sinh năm 2011 cháu H đang sống cùng anh N, còn cháu H đang đi làm thuê.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc thụ lý xây dựng hồ sơ vụ án Tòa án huyện Sông Mã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ thời điểm thụ lý vụ án. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lường H về việc Ly hôn với anh Lù N.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lường H ly hôn anh Lù N.

- Về con chung: Giao hai con chung Lù Thị M, sinh ngày 05/8/2009 và Lù Văn H, sinh ngày 05/6/2011 cho anh Lù N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị Lường H phải cấp dưỡng nuôi con Lù Văn H theo anh Lù N mỗi tháng 1.000.000đ, hình thức cấp dưỡng hàng tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung:

+ Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Chính sách xã hội về việc buộc anh Lù N và chị Lường H phải trả hoàn toàn số nợ mới được giải quyết vụ án ly hôn.

+ Anh Lù N và chị Lường H có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện việc trả khoản nợ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Sông Mã theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay đề ngày 25/10/2021 được Ngân hàng phê duyệt ngày 27/10/2021 số tiền gốc là 45.000.000đ và toàn bộ tiền lãi theo quy định cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

+ Anh Lù N có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện việc trả khoản nợ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Sông Mã theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay theo chương trình “Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn” đề nghị 19/01/2024 được Ngân hàng phê duyệt ngày 29/01/2024 với số tiền gốc 20.000.000đ và toàn bộ tiền lãi theo quy định cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

- Về án phí: Miễn án phí Dân sự sơ thẩm cho chị Lường H và anh Lù N theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về pháp luật tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Chị Lường H khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết việc Ly hôn, nuôi con chung với anh Lù N nên xác định quan hệ pháp luật là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Lù N cư trú tại huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về việc đưa thêm người tham gia tố tụng: Xét thấy tại đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn khai không có nợ chung, bị đơn khai có nợ chung. Bị đơn và Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Sông Mã cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ chứng minh về khoản nợ của anh Lù N và người uỷ quyền vay khoản nợ trên là chị Lường H tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Sông Mã. Do vậy, Toà án nhân dân huyện Sông Mã đưa Ngân hàng Chính sách xã hội tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi là đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thủ tục hoà giải theo tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị không hoà giải, do vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Chị Lường H có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Hôn là đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lường H và anh Lù N kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La vào ngày 30/7/2013. Căn cứ Điều 9, Điều 11, Điều 12 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Lường H và anh Lù N là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án thấy:

Cuộc sống hôn nhân giữa chị Lường H và anh Lù N có mâu thuẫn, hiện tại chị H và anh N đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Căn cứ vào Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình xét thấy tình trạng hôn nhân của Hôn và anh Nhật đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc quyết định cho chị H ly hôn anh N là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung:

Chị Hôn và anh N có hai người con chung là Lù Thị M, sinh ngày 05/8/2009 và Lù Văn H, sinh ngày 05/6/2011 các đương sự thống nhất giao cả hai con chung cho anh N nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nguyên vọng cả hai con chung đều muốn được sống chung cùng anh N sau khi cha mẹ ly hôn. Do vậy, cần giao cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ- HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự đều thống nhất chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với con Lù Văn H, nhưng chưa thống nhất về thời điểm cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 82, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và Gia đình và kết quả xác minh mức thu nhập tối thiểu vùng năm 2024 tại Bản N, xã M, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Xác định mức cấp dưỡng nuôi con Lù Văn Hải 1.000.000đ/ 1 tháng là phù hợp cần chấp nhận, tuy nhiên thời điểm cấp dưỡng nuôi con được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[4] Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Chị H và anh N không kê khai không yêu cầu giải quyết;

- Về nợ chung:

Tại đơn khởi kiện chị H khai không có nợ chung tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án chị H và anh N đều thừa nhận có nợ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội phòng huyện S khoản tiền vay theo chương trình Hộ nghèo là 45.000.000đ từ năm 2021 chị H và anh N đều thống nhất hai bên cùng có trách nhiệm thanh toán khoản nợ này.

Đối với khoản vay 20.000.000đ theo chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội phòng huyện Slà khoản vay khi chị H và anh N đã ly thân được trên hai năm, chị H khai không biết khoản nợ này, chị không được uỷ quyền cho anh N vay và cũng không được sử dụng đến khoản vay này, anh Nhật thừa nhận đây là khoản nợ riêng được vay khi anh và chị H đã ly thân một thời gian dài, khoản vay này do anh vay sử dụng riêng anh nhất trí có trách nhiệm tự thanh toán khoản vay này cho đến khi hết nợ.

Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội phòng huyện S xác định cả hai khoản vay trên là nợ chung của anh Lù N và chị Lường H và yêu cầu anh Lù N và chị Lường H phải hoàn trả toàn bộ số tiền vay mới được giải quyết vụ án ly hôn

Hội đồng xét xử xem xét:

Khoản vay Hộ nghèo 45.000.000đ được xác lập khi chị H và anh N còn sống chung, hơn nữa khoản vay này được chị Hôn uỷ quyền theo giấy uỷ quyền lập ngày 25/10/2021 có xác nhận của UBND xã M, Sông Mã được nguyên đơn và bị đơn thừa nhận đúng là nợ chung. Do vậy nguyên đơn và bị đơn đều có nghĩa vụ thanh toán đối với khoản vay này.

Khoản vay Nước sạch và vệ sinh môi trường 20.000.000đ là khoản vay tại thời điểm chị H và anh N đã ly thân được 3 năm, chị H và anh N đều xác định

đây là khoản vay riêng của anh N, anh N nhận trách nhiệm sẽ tự thanh toán khoản nợ này, hơn nữa tại phiên toà Ngân hàng cũng có ý kiến anh N là người đứng ra vay vốn đề nghị anh Nhật phải có trách nhiệm thanh toán. Do vậy, xác định anh N phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với khoản nợ này.

Do vậy, xác định khoản vay 45.000.000đ theo chương trình Hộ nghèo tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội phòng huyện S là nợ chung của anh N và chị H do vậy, anh N và chị H phải có trách nhiệm liên đới thanh toán khoản nợ này. Khoản vay 20.000.000đ theo chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội phòng huyện Sông Mã là nợ riêng của anh Lù N, anh N có phải trách nhiệm thanh toán khoản nợ này.

Cả hai khoản nợ trên đều chưa đến hạn thanh toán, các đương sự không vi phạm nghĩa vụ khi thực hiện khoản vay vì thực thể đối với khoản vay theo chương trình Hộ nghèo 45.000.000đ có hạn trả cuối cùng vào ngày 09/11/2026, đối với khoản vay theo chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường hạn trả cuối cùng vào ngày 02/02/2029. Quá trình thực hiện nghĩa vụ người vay thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, không vi phạm thoả thuận. Do vậy, Hợp đồng vay vẫn đang có hiệu lực thi hành, nên cần yêu cầu nguyên đơn, bị đơn tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của người vay cho đến khi thanh toán hết nợ.

[5] Về án phí: Chị Lương H, anh Lù N đều là dân tộc thiểu số sống vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn án phí được Toà án chấp nhận. Do vậy, cần miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho các đương sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 27; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Lương H đối với anh Lù N .

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương H ly hôn với anh Lù N.

- Về con chung: Giao con chung Lù Thị M, sinh ngày 05/8/2009 và Lù Văn H, sinh ngày 05/6/2011 cho anh Lù N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Lường H phải cấp dưỡng nuôi con Lù Văn H cùng anh N mỗi tháng 1.000.000đ, hình thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 03 năm 2025 cho đến khi Lù Văn Hải đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Chấp nhận **một phần** yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Lường H và anh Lù N có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện trách nhiệm trả khoản nợ Ngân hàng Chính sách xã hội phòng giao dịch Sông Mã đối với khoản vay theo chương trình “Hộ nghèo” theo phê duyệt của Ngân hàng vào ngày 27/10/2021 tiền gốc là 45.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 97.644đ, tổng cộng là 45.097.644đ (*Bốn mươi lăm triệu không trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng*).

Kể từ ngày 22/3/2025 chị Lường H và anh Lù N còn phải tiếp tục chịu lãi theo thoả thuận tại Giấy đề nghị vay vốn kiểm phương án sử dụng vốn vay duyệt ngày 27/10/2021 cho đến khi trả hết khoản nợ.

- Anh Lù N có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng Chính sách xã hội phòng giao dịch Sông Mã đối với khoản vay theo chương trình “Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn” theo phê duyệt vào ngày 29/01/2024 số tiền gốc là 20.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 59.178đ, tổng cộng 20.059.178đ (*hai mươi triệu không trăm năm mươi chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng*).

Kể từ ngày 22/3/2025 anh Lù N còn phải tiếp tục chịu lãi theo thoả thuận tại Giấy đề nghị vay vốn kiểm phương án sử dụng vốn vay duyệt ngày 27/10/2021 cho đến khi trả hết khoản nợ.

"Kể từ ngày bên có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án, bên có nghĩa vụ phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại các Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán"

3. Về án phí: Chị Lường H, anh Lù N được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Lù N, Ngân hàng Chính sách xã hội có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Lường H được quyền

kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện Sông Mã;
- THADS huyện Sông Mã;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hà Thị Diệp

